**BẢN SO SÁNH THUYẾT MINH NỘI DUNG LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI NĂM 2012 VÀ DỰ THẢO LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI (THAY THẾ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012** | **Dự thảo Luật Bảo hiểm tiền gửi (thay thế)** | **Thuyết minh** |
| **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** | **CHƯƠNG I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** |  |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Luật này quy định về hoạt động bảo hiểm tiền gửi, quyền và nghĩa vụ của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Luật này quy định về hoạt động bảo hiểm tiền gửi, quyền và nghĩa vụ của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi. | Giữ nguyên |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Luật này áp dụng đối với người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Luật này áp dụng đối với người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi. | Giữ nguyên |
| **Điều 3. Mục đích của bảo hiểm tiền gửi**  Bảo hiểm tiền gửi nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. | **Điều 3. Mục đích của bảo hiểm tiền gửi**  Bảo hiểm tiền gửi nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. | Giữ nguyên |
| **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Bảo hiểm tiền gửi* là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được bảo hiểm tiền gửi trong hạn mức trả tiền bảo hiểm khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản.  2. *Người được bảo hiểm tiền gửi* là cá nhân có tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  3. *Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng được nhận tiền gửi của cá nhân.  4. *Tổ chức bảo hiểm tiền gửi* là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện chính sách bảo hiểm tiền gửi, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.  5. *Phí bảo hiểm tiền gửi* là khoản tiền mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi để bảo hiểm cho tiền gửi của người được bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Bảo hiểm tiền gửi* là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được bảo hiểm tiền gửi trong hạn mức trả tiền bảo hiểm khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản.  2. *Người được bảo hiểm tiền gửi* là cá nhân có tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  3. *Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng được nhận tiền gửi của cá nhân.  4. *Tổ chức bảo hiểm tiền gửi* là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện chính sách bảo hiểm tiền gửi, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.  5. *Phí bảo hiểm tiền gửi* là khoản tiền mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi để bảo hiểm cho tiền gửi của người được bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. | Giữ nguyên |
| **Điều 5. Nguyên tắc bảo hiểm tiền gửi**  1. Bảo hiểm tiền gửi là loại hình bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật này.  2. Hoạt động bảo hiểm tiền gửi phải công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 5. Nguyên tắc bảo hiểm tiền gửi**  1. Bảo hiểm tiền gửi là loại hình bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật này.  2. Hoạt động bảo hiểm tiền gửi phải công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi. | Giữ nguyên |
| **Điều 6. Tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi của cá nhân phải tham gia bảo hiểm tiền gửi, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.  2. Ngân hàng chính sách không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 6. Tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi của cá nhân phải tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.  2. Ngân hàng chính sách không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi. | Khoản 1:Hiện nay, việc tham gia BHTG của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được quy định tại Nghị định 68/2013/NĐ-CP. Do đó, dự thảo Luật bổ sung làm rõ thẩm quyền của Chính phủ quy định về việc tham gia BHTG của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Khoản 2: Giữ nguyên |
| **Điều 7. Chính sách của nhà nước về bảo hiểm tiền gửi**  1. Nhà nước có chính sách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.  2. Nhà nước có chính sách quản lý, sử dụng nhằm bảo toàn và tăng trưởng nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Nguồn thu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được miễn nộp các loại thuế. | **Điều 7. Chính sách của nhà nước về bảo hiểm tiền gửi**  1. Nhà nước có chính sách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.  2. Nhà nước có chính sách quản lý, sử dụng nhằm bảo toàn và tăng trưởng nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Nguồn thu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được miễn nộp các loại thuế và tổ chức bảo hiểm tiền gửi không phải thực hiện kê khai nộp thuế. | - Khoản 1: Giữ nguyên  - Khoản 2:  + Thống nhất với tính chất, mục đích hoạt động của tổ chức BHTG là không vì mục tiêu lợi nhuận, thống nhất với nội dung pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay quy định thu nhập từ hoạt động của tổ chức BHTG là thu nhập được miễn thuế, dự thảo Luật tiếp tục kế thừa quy định đã có tại Luật BHTG 2012 (Nguồn thu của tổ chức BHTG được miễn nộp các loại thuế).  + Bổ sung làm rõ quy định “tổ chức BHTG không phải thực hiện kê khai nộp thuế”  Hiện nay, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định hoạt động của tổ chức BHTG không phải nộp thuế, tuy nhiên tổ chức BHTG vẫn phải thực hiện thủ tục kê khai nộp thuế, điều này phát sinh thủ tục đối với BHTGVN. BHTGVN hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, các khoản thu từ hoạt động của tổ chức này sau khi trừ đi chi phí hoạt động về cơ bản sẽ được chuyển vào các quỹ để gia tăng vốn điều lệ hoặc tăng nguồn chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Do đó, việc yêu cầu tổ chức này kê khai nộp thuế là không cần thiết và không phù hợp. |
| **Điều 8. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi**  1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.  3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.  4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi tại địa phương. | **Điều 8. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi**  1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.  3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.  4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi tại địa phương. | Giữ nguyên |
| **Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.  2. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi.  3. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tiền gửi.  4. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tham gia tổ chức quốc tế về bảo hiểm tiền gửi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  5. Ký kết thỏa thuận quốc tế hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm tiền gửi, trừ quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật này.  2. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi.  3. Kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tiền gửi, trừ quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật này.  4. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tham gia tổ chức quốc tế về bảo hiểm tiền gửi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  5. Ký kết thỏa thuận quốc tế hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về bảo hiểm tiền gửi. | - Khoản 1: Bổ sung nội dung loại trừ để không chồng chéo với trách nhiệm của Bộ Tài chính.  - Khoản 3: Bổ sung cụm từ “giám sát” để đảm bảo đầy đủ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN. Đồng thời bổ sung nội dung loại trừ để không chồng chéo với trách nhiệm của Bộ TC. |
|  | **Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi của Bộ Tài chính**  1. Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về tiêu chí danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, phương thức đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro, chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  2. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về kiểm soát, quản lý rủi ro, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro, chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. | Bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính, phù hợp với nội dung bổ sung tại dự thảo Luật về hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG, chế độ tài chính của tổ chức BHTG (Điều 32, 33), đồng thời cũng phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính. |
| **Điều 10. Các hành vi bị cấm**  1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp phí bảo hiểm tiền gửi.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền bảo hiểm.  3. Gian lận, giả mạo hồ sơ, tài liệu, giấy tờ về bảo hiểm tiền gửi.  4. Cản trở, gây khó khăn, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, người được bảo hiểm tiền gửi và cơ quan, tổ chức có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi.  5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi | **Điều 11. Các hành vi bị cấm**  1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định pháp luật.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền bảo hiểm.  3. Gian lận, giả mạo hồ sơ, tài liệu, giấy tờ về bảo hiểm tiền gửi.  4. Cản trở, gây khó khăn, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, người được bảo hiểm tiền gửi và cơ quan, tổ chức có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi.  5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi. | - Khoản 1: Bổ sung “theo quy định pháp luật” để đảm bảo phù hợp vì có trường hợp tổ chức tham gia BHTG được miễn nộp phí bảo hiểm.  Các nội dug khác giữ nguyên. |
| **Chương II**  **QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM TIỀN GỬI, TỔ CHỨC THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI, TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI** | **CHƯƠNG II**  **QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM TIỀN GỬI, TỔ CHỨC THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI, TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI** |  |
| **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người được bảo hiểm tiền gửi**  1. Được bảo hiểm số tiền gửi của mình tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này.  2. Được nhận tiền bảo hiểm đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Luật này.  3. Yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, chế độ về bảo hiểm tiền gửi.  4. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.  5. Có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về tiền gửi theo yêu cầu của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi khi thực hiện thủ tục trả tiền bảo hiểm. | **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của người được bảo hiểm tiền gửi**  1. Được bảo hiểm số tiền gửi của mình tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này.  2. Được nhận tiền bảo hiểm đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Luật này.  3. Yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, chế độ về bảo hiểm tiền gửi.  4. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.  5. Có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về tiền gửi theo yêu cầu của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi khi thực hiện thủ tục trả tiền bảo hiểm. | Giữ nguyên |
| **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.  2. Được cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.  3. Nộp phí bảo hiểm tiền gửi đầy đủ và đúng thời hạn.  4. Yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.  5. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.  6. Cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.  2. Được cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.  3. Tính, nộp phí bảo hiểm tiền gửi đầy đủ và đúng thời hạn.  4. Yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.  5. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.  6. Cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  7. Phối hợp với tổ chức bảo hiểm tiền gửi tuyên truyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.  8. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan. | - Khoản 3: Theo quy định hiện nay, trách nhiệm tính phí BHTG thuộc về BHTG Việt Nam (BHTGVN). Sau khi tính phí, BHTGVN sẽ gửi thông báo tới tổ chức tham gia BHTG về số phí phải nộp. Điều này dẫn đến trường hợp nộp phí chậm do số lượng tổ chức tham gia BHTG rất lớn, mất nhiều nhân sự, thời gian tính toán số phí phải nộp. Trên thực tế, các tổ chức tham gia BHTG vẫn đang chủ động tính toán số phí BHTG dựa trên nguồn dữ liệu của chính tổ chức mình để làm cơ sở cho việc nộp phí BHTG. Trên cơ sở kết quả tính và nộp phí của tổ chức tham gia BHTG, tổ chức BHTG kiểm tra, rà soát, đối chiếu việc tính và thu phí BHTG. Điều này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức BHTG triển khai hiệu quả hoạt động tính, thu phí BHTG cũng như kiểm tra, xác định phí thừa, thiếu. Trên cơ sở đó dự thảo Luật bổ sung trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG thực hiện tính phí BHTG. Việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy trình thu phí hiện nay, tăng cường trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG trong việc tính và nộp phí đầy đủ.  - Khoản 7: Tại Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ trướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển BHTG đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, một trong những giải pháp về tuyên truyền chính sách BHTG là “Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm tiền gửi nội dung quy định tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm phối hợp với tổ chức bảo hiểm tiền gửi tuyên truyền chính sách bảo hiểm tiền gửi.”  Việc tuyên truyền chính sách BHTG là góp phần tạo dựng lòng tin của người gửi tiền đối với các TCTD cũng như duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng, như vậy có thể hiểu rằng các TCTD cũng là đối tượng được hưởng lợi trực tiếp từ việc tuyên truyền về chính sách BHTG, góp phần tăng trưởng huy động vốn từ người dân của TCTD. Do đó, các TCTD cũng cần phải có trách nhiệm chung trong việc tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật của nhà nước về BHTG.  Do vậy, dự thảo Luật bổ sung quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức tham gia BHTG trong việc phối hợp với tổ chức BHTG tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHTG.  - Khoản 8: bổ sung khoản này để đảm bảo tính bao quát, đầy đủ.  - Các nội dung khác giữ nguyên. |
| **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi**  1. Xây dựng chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.  2. Đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.  3. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.  4. Cấp và thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.  5. Yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm.  6. Tính và thu phí bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này.  7. Quản lý, sử dụng và bảo toàn nguồn vốn bảo hiểm tiền gửi.  8. Chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này.  9. Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.  10. Tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nhằm phát hiện và kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý kịp thời những vi phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng, rủi ro gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng.  11. Bảo đảm bí mật số liệu tiền gửi và tài liệu liên quan đến bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.  12. Tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ trong trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tạm thời không đủ để trả tiền bảo hiểm; tiếp nhận các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để tăng cường năng lực hoạt động.  13. Tham gia vào quá trình kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tham gia quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Chính phủ.  14. Tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về bảo hiểm tiền gửi, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và phương thức quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi**  1. Xây dựng chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.  2. Đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.  3. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này và ~~của~~ pháp luật có liên quan.  4. Cấp và thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.  5. Yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động trong phạm vi, nội dung tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện kiểm tra theo ủy quyền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  6. Tính và thu phí bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này.  7. Quản lý, sử dụng và bảo toàn nguồn vốn bảo hiểm tiền gửi.  8. Chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.  9. Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.  10. Thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo kế hoạch, nội dung do Ngân hàng Nhà nước giao. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn nội dung này.  11. Tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nhằm phát hiện và kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý kịp thời những vi phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng, rủi ro gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng.  12. Bảo đảm bí mật số liệu tiền gửi và tài liệu liên quan đến bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.  13. Tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ trong trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tạm thời không đủ để trả tiền bảo hiểm; tiếp nhận các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để tăng cường năng lực hoạt động; vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Luật này, Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.  14. Tham gia vào quá trình xử lý tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi:  a) Tham gia đánh giá tính khả thi phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tham gia xây dựng phương án phá sản của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo pháp luật về tổ chức tín dụng;  b) Cho vay đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan;  c) Mua trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  d) Cử người đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc và chức danh quản lý, điều hành khác của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  đ) Các nội dung khác theo quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan.  15. Tham gia quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo theo pháp luật về tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan;  16. Thực hiện công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật, hình ảnh và hoạt động về bảo hiểm tiền gửi; tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức về bảo hiểm tiền gửi và các nội dung liên quan cho tổ chức, cá nhân có liên quan; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và phương thức quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. | - Khoản 3, khoản 8, khoản 15, khoản 16: Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo rõ ràng.  - Khoản 5: Bổ sung quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG được yêu cầu tổ chức tham gia BHTG cung cấp thông tin liên quan đến tình hình hoạt động trong phạm vi, nội dung tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện kiểm tra theo ủy quyền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đảm bảo tổ chức BHTG có cơ sở để triển khai thực hiện hoạt động kiểm tra tổ chức tham gia BHTG.  - Khoản 10: Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, thời gian qua NHNN đã giao BHTGVN thực hiện kiểm tra một số QTDND (từ năm 2019 đến nay, NHNN đã giao BHTGVN thực hiện kiểm tra đối với 234 QTDND, riêng trong năm 2025, BHTGVN thực hiện kiểm tra 120 QTDND); việc kiểm tra của BHTGVN giúp NHNN kịp thời phát hiện một số các hành vi vi phạm của QTDND. Trong quá trình BHTGVN triển khai kiểm tra QTDND theo yêu cầu của NHNN phát sinh một số khó khăn, vướng mắc như quyền, nghĩa vụ của BHTGVN trong quá trình kiểm tra chưa được ghi nhận tại Luật BHTG, chưa có cơ sở để hướng dẫn cụ thể cách thức, phương thức phối hợp, việc ghi nhận các vi phạm trong quá trình kiểm tra của BHTGVN và xử lý kiến nghị, đề xuất của BHTGVN đối với các hành vi vi phạm. Để đảm bảo cơ sở pháp lý rõ ràng cho hoạt động kiểm tra của tổ chức BHTG, dự thảo Luật bổ sung quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG trong việc kiểm tra tổ chức tham gia BHTG theo kế hoạch, nội dung do NHNN ủy quyền;  - Khoản 13: Bổ sung quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG được vay đặc biệt của NHNN, thống nhất với quy định tại Điều 188 Luật các TCTD và nội dung mới bổ sung tại Điều 39 dự thảo Luật.  - Khoản 14:  + Điều a, b, c: Bổ sung các quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG thống nhất với các quy định tại khoản 2 Điều 169, Điều 171, khoản 1 Điều 182 và khoản 1 Điều 185, Điều 190 Luật các TCTD.  + Điểm d: Hiện nay, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) hiện có khoảng 1.176 QTDND[[1]](#footnote-1). Số lượng QTDND lớn trong khi chất lượng hoạt động của các QTDND không đồng đều. Một số QTDND xảy ra vi phạm có liên quan trực tiếp đến người quản lý, kiểm soát, điều hành của Quỹ. Trong thời gian qua NHHTX đã cử hơn 300 nhân sự tham gia QTDND, tuy nhiên do số lượng QTDND lớn nên cần thêm sự tham gia của BHTGVN để thực hiện nhiệm vụ này. Tại khoản 13 Điều 13 Luật BHTG quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia vào quá trình KSĐB đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tuy nhiên chưa có quy định về việc cử người tham gia tái cơ cấu TCTD theo yêu cầu của NHNN. Do đó dự thảo Luật bổ sung quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG cử người giữ chức danh quản lý, điều hành, thành viên BKS tại QTDND được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của NHNN để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý cho quá trình triển khai thực hiện.  Các nội dung khác giữ nguyên. |
| **Chương III**  **HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI** | **CHƯƠNG III**  **HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI** |  |
| **Mục 1**  **CHỨNG NHẬN THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI** | **Mục 1**  **CHỨNG NHẬN THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI** |  |
| **Điều 14. Cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai trương hoạt động, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.  3. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm:  a) Đơn đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi;  b) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. | **Điều 15. Cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai trương hoạt động, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được **đủ** hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.  3. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm:  a) Đơn đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi;  b) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; | - Khoản 2: điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo rõ ràng.  - Bỏ điểm c khoản 3, thống nhất với quy định Giấy phép tổ chức, hoạt động của TCTD đồng thời là giấy đăng ký doanh nghiệp tại khoàn 2 Điều 27 Luật các TCTD. |
| **Điều 15. Niêm yết Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi**  Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải niêm yết công khai bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi tại tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi. | **Điều 16. Niêm yết Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải niêm yết công khai Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi hoặc bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi tại tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi.  2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. | Bổ sung nội dung cho phép tổ chức tham gia BHTG có thể niêm yết bản chính Chứng nhận tham gia BHTG tại điểm giao dịch có nhận tiền gửi, tạo điều kiện cho các tổ chức tham gia BHTG chỉ có một điểm giao dịch không phải thực hiện thủ tục cấp bản sao Chứng nhận tham gia BHTG; đồng thời giao Thống đốc NHNN quy định việc cấp bản sao Chứng nhận tham gia BHTG. |
| **Điều 16. Thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị tạm thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi theo quy định của pháp luật. Trong thời gian tạm thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi đối với khoản tiền gửi chưa nộp phí.  2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.  3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải thông báo công khai về việc thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và trên một báo điện tử của Việt Nam. | **Điều 17. Thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị tạm thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi theo quy định của pháp luật. Trong thời gian tạm thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi đối với khoản tiền gửi chưa nộp phí, trừ trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.  2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.  3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải thông báo công khai về việc thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và trên một báo điện tử của Việt Nam. | Đảm bảo rõ ràng, thống nhất với quy định tại Luật các TCTD |
| **Điều 17. Cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép phục hồi hoạt động nhận tiền gửi.  2. Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bị mất, rách nát, hư hỏng được cấp lại trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 18. Cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép phục hồi hoạt động nhận tiền gửi.  2. Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bị mất, rách nát, hư hỏng, hoặc thông tin trên Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi có thay đổiđược cấp lại trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  3. Việc cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.. | Bổ sung trường hợp cấp lại chứng nhận tham gia BHTG trong trường hợp thông tin trên Chứng nhận tham gia BHTG thay đổi, đồng thời giao Thống đốc NHNN hướng dẫn Điều này. Do Chứng nhận tham gia BHTG phải được niêm yết tại điểm giao dịch của tổ chức tham gia BHTG để người gửi tiền biết được quyền lợi của mình, nên khi thông tin trên Chứng nhận có thay đổi (như tên tổ chức tham gia BHTG…) thì cần cấp lại để đảm bảo rõ ràng trong việc cung cấp thông tin tới khách hàng. |
| **Mục 2. TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM** | **Mục 2. TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM** |  |
| **Điều 18. Tiền gửi được bảo hiểm**  Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các loại tiền gửi quy định tại Điều 19 của Luật này. | **Điều 19. Tiền gửi được bảo hiểm**  Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các loại tiền gửi quy định tại Điều 20 của Luật này. | Bỏ “kỳ phiếu, tín phiếu” thống nhất với quy định tại khoản 27 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024 về hoạt động nhận tiền gửi của TCTD, trong đó không có phát hành kỳ phiếu, tín phiếu. |
| **Điều 19. Tiền gửi không được bảo hiểm**  1. Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân là người sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính tổ chức tín dụng đó.  2. Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân là thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của chính tổ chức tín dụng đó; tiền gửi tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài của cá nhân là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của chính chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.  3. Tiền mua các giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành. | **Điều 20. Tiền gửi không được bảo hiểm**  1. Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân và người có liên quan sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính tổ chức tín dụng đó.  2. Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của chính tổ chức tín dụng đó; tiền gửi tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài của cá nhân là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của chính chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.  3. Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô.  4. Tiền mua các giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành. | - Khoản 1: Luật BHTG năm 2012 loại trừ trường hợp được bảo hiểm đối với tiền gửi của cá nhân sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính TCTD đó. Đây là các cổ đông lớn và phải có trách nhiệm đối với hoạt động của TCTD, bao gồm cả tình trạng TCTD không có khả năng chi trả và tổ chức BHTG phải chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Để đảm bảo chặt chẽ, tránh trường hợp lợi dụng chính sách, dự thảo Luật bổ sung đối tượng “người có liên quan”, theo đó cổ đông là cá nhân và người có liên quan sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại TCTD thì tiền gửi của cá nhân này sẽ không được chi trả bảo hiểm.  - Khoản 2: Chỉnh sửa kỹ thuật.  - Khoản 3: Do hiện nay tiền gửi tiết kiệm bắt buộc của tổ chức tài chính vi mô không thuộc đối tượng đóng phí BHTG theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 68/2013/NĐ-CP, do đó không phải là đối tượng được chi trả bảo hiểm. Quy định này sẽ tiếp tục được kế thừa. Vì vậy, để đảm bảo rõ ràng, dự thảo Luật bổ sung quy định tiền gửi tiết kiệm bắt buộc của tổ chức tài chính vi mô thuộc trường hợp tiền gửi không được bảo hiểm. |
| **Mục 3**  **PHÍ BẢO HIỂM TIỀN GỬI** | **Mục 3**  **PHÍ BẢO HIỂM TIỀN GỬI** |  |
| **Điều 20. Phí bảo hiểm tiền gửi**  1. Thủ tướng Chính phủ quy định khung phí bảo hiểm tiền gửi theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Căn cứ vào khung phí bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức phí bảo hiểm tiền gửi cụ thể đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi trên cơ sở kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức này.  3. Phí bảo hiểm tiền gửi được tính trên cơ sở số dư tiền gửi bình quân của tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  4. Phí bảo hiểm tiền gửi được tính và nộp định kỳ hàng quý trong năm tài chính. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng đầu tiên của quý kế tiếp.  5. Phí bảo hiểm tiền gửi được hạch toán vào chi phí hoạt động của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 21. Phí bảo hiểm tiền gửi**  1. Thủ tướng Chính phủ quy định mức phí bảo hiểm tiền gửi, việc áp dụng phí bảo hiểm tiền gửi đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam trong từng thời kỳ, trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi.  3. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Điều 190 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 39 Luật này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tăng phí bảo hiểm tiền gửi.  4. Tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, nếu trước thời điểm bị đặt vào kiểm soát đặc biệt gặp khó khăn về tài chính dẫn đến việc nộp thiếu hoặc nộp chậm phí bảo hiểm tiền gửi, thì được tạm hoãn việc nộp khoản phí bảo hiểm tiền gửi nộp thiếu, nộp chậm và khoản tiền phạt (nếu có) đó trong thời gian áp dụng biện pháp kiểm soát đặc biệt. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn trong phương án tái cơ cấu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.  5. Phí bảo hiểm tiền gửi được tính trên cơ sở số dư tiền gửi bình quân của tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  6. Phí bảo hiểm tiền gửi được tính và nộp định kỳ hàng quý trong năm tài chính. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng đầu tiên của quý kế tiếp.  7. Phí bảo hiểm tiền gửi được hạch toán vào chi phí hoạt động của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  8. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. | - Khoản 1: Mặc dù Luật BHTG năm 2012 đã có quy định về cơ chế phí BHTG trên cơ sở đánh giá, phân loại các tổ chức tham gia BHTG, tuy nhiên đến nay chưa thể thực hiện được[[2]](#footnote-2) do có khó khăn vướng mắc trong việc đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG, tiêu chí xác định khung phí, mức phí;... và điều kiện về tình hình kinh tế, mức độ lành mạnh, an toàn của hệ thống ngân hàng Việt Nam để áp dụng[[3]](#footnote-3). Ngoài ra, theo quy định tại Luật Các TCTD, TCTD được KSĐB được miễn nộp phí BHTG, dẫn đến việc khó có thể triển khai cơ chế phí BHTG phân biệt. Để xử lý khó khăn, vướng mắc nêu trên, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về phí BHTG theo hướng giao Thủ tướng Chính phủ quy định mức phí BHTG, việc áp dung phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù của hệ thống TCTD Việt Nam trong từng thời kỳ trên cơ sở đề xuất của NHNN.  - Khoản 2: Bổ sung quy định TCTD được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí BHTG, thống nhất với quy định tại Luật các TCTD  - Khoản 3: Dự thảo Luật bổ sung quy định về việc tổ chức BHTG xây dựng phương án tăng phí BHTG trong trường hợp quy định tại Điều 190 Luật các TCTD, đảm bảo sự động bộ, thống nhất giữa các Luật.  - Khoản 4: Trên thực tế vừa qua có trường hợp tổ chức tham gia BHTG có khoản tiền nợ phí BHTG. Khi TCTD này được đặt vào kiểm soát đặc biệt, Luật các TCTD 2024 đã có quy định TCTD được miễn nộp phí BHTG nhưng không có quy định cho tổ chức này tạm hoãn đối với số tiền nợ phí BHTG đã phát sinh trước khi được đặt vào kiểm soát đặc biệt, dẫn đến tổ chức này vẫn tiếp tục có nghĩa vụ phải nộp tiền nợ phí, bao gồm cả tiền phạt nộp chậm theo quy định. Điều này đặt thêm gánh nặng cho tổ chức tham gia BHTG đang có khó khăn về tài chính phải nộp phí BHTG nộp thiếu, nộp chậm và tiền phạt cho khoản chậm nộp phí BHTG. Trên cơ sở tháo gỡ khó khăn cho TCTD được kiểm soát đặc biệt, giảm bớt áp lực tài chính để tổ chức này tập trung cơ cấu lại, khắc phục yếu kém, dự thảo Luật bổ sung quy định tạm hoãn nộp tiền nợ phí BHTG phát sinh trước thời điểm đặt vào kiểm soát đặc biệt cho các TCTD được KSĐB, TCTD có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn trong phương án tái cơ cấu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.  - Khoản 8: Dự thảo Luật bổ sung quy định giao Thống đốc NHNN hướng dẫn việc tính và nộp phí BHTG của tổ chức tham gia BHTG, theo đó Thống đốc sẽ quy định cụ thể về quy trình, trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG trong việc tính, nộp phí BHTG. |
| **Điều 21. Phí nộp thiếu, nộp chậm**  1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vi phạm thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Điều 20 của Luật này, thì ngoài việc phải nộp đủ số phí còn thiếu phải chịu phạt mỗi ngày nộp chậm bằng 0,05% số tiền nộp chậm.  2. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi phát hiện sự thiếu chính xác trong việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi, thì tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm thông báo và truy thu số phí còn thiếu hoặc thoái thu đối với số phí nộp thừa trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày phát hiện.  3. Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp hoặc nộp không đầy đủ phí bảo hiểm tiền gửi và tiền phạt, thì tổ chức bảo hiểm tiền gửi có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trích tài khoản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để nộp phí bảo hiểm tiền gửi và tiền phạt. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm xử lý.  4. Trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp hoặc nộp không đầy đủ phí bảo hiểm tiền gửi mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải trích tài khoản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để nộp phí theo quy định tại khoản 3 Điều này lần thứ hai, thì tổ chức bảo hiểm tiền gửi có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đình chỉ hoặc tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 22. Phí nộp thiếu, nộp chậm**  1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vi phạm thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Điều 21 của Luật này, ngoài việc phải nộp đủ số phí còn thiếu phải chịu phạt mỗi ngày nộp chậm bằng 0,05% số tiền nộp chậm, trừ trường hợp chậm nộp phí bảo hiểm do sự kiện bất khả kháng theo quy định pháp luật.  2. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi phát hiện sự thiếu chính xác trong việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm thông báo và truy thu số phí còn thiếu hoặc thoái thu đối với số phí nộp thừa trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày phát hiện.  3. Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp hoặc nộp không đầy đủ phí bảo hiểm tiền gửi và tiền phạt, thì tổ chức bảo hiểm tiền gửi có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trích tài khoản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để nộp phí bảo hiểm tiền gửi và tiền phạt. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm trích tài khoản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để nộp phí bảo hiểm tiền gửi và tiền phạt.  4. Trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp hoặc nộp không đầy đủ phí bảo hiểm tiền gửi mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lần thứ hai phải trích tài khoản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để nộp phí theo quy định tại khoản 3 Điều này, thì tổ chức bảo hiểm tiền gửi có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đình chỉ hoặc tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  5. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự như người gửi tiền và thu hồi số tiền phí bảo hiểm tiền gửi và tiền phạt (nếu có) mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi còn thiếu trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật. | - Khoản 1: Bổ sung quy định “trừ trường hợp chậm nộp phí BHTG do sự kiện bất khả kháng”, thống nhất với pháp luật dân sự.  - Khoản 3: Bổ sung làm rõ biện pháp xử lý của NHNN.  - Khoản 4: Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo rõ ràng.  - Khoản 5: Phí BHTG cũng chính là nguồn để thực hiện chi trả tiền gửi cho người gửi tiền khi phát sinh nghĩa vụ chi trả bảo hiểm. Do đó, dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự như người gửi tiền và thu hồi số tiền phí BHTG và tiền phạt (nếu có) mà tổ chức tham gia BHTG còn thiếu trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia BHTG theo quy định của pháp luật. |
| **Mục 4**  **TRẢ TIỀN BẢO HIỂM** | **Mục 4**  **TRẢ TIỀN BẢO HIỂM** |  |
| **Điều 22. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm**  Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ thời điểm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vẫn lâm vào tình trạng phá sản hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. | **Điều 23. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm**  Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ một trong các thời điểm sau:  1. Phương án phá sản tổ chức tín dụng được phê duyệt hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền**.**  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt để tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả cho người gửi tiền khi tổ chức tín dụng có lỗ luỹ kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ.  3. Thuộc trường hợp quy định tại Điều 40 Luật này. | Hiện nay Luật Các TCTD năm 2024 quy định về thời điểm chấm dứt kiểm soát đặc biệt (KSĐB) để thực hiện phương án phá sản của TCTD, cụ thể: Khoản 4 Điều 168 Luật Các TCTD năm 2024 quy định thời điểm NHNN chấm dứt KSĐB (đối với trường hợp TCTD thực hiện phương án phá sản), thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản TCTD được KSĐB; Khoản 1 Điều 190 Luật Các TCTD năm 2024 quy định: “Sau khi phương án phá sản đã được phê duyệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm phối hợp với tổ chức tín dụng được KSĐB chi trả bảo hiểm tiền gửi cho người gửi tiền theo phương án phá sản”.  Trên cơ sở đó, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm:  (i) kể từ thời điểm phương án phá sản tổ chức tín dụng được phê duyệt. Quy định này thống nhất với Điều 190 Luật các TCTD, đảm bảo rõ ràng khi xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả bảo hiểm, đảm bảo việc chi trả được thực hiện kịp thời.  (ii Thời điểm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt để tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả cho người gửi tiền khi tổ chức tín dụng có lỗ luỹ kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ. Thời điểm này thường áp dụng với Quỹ tín dụng nhân dân hoặc các ngân hàng quy mô nhỏ được kiểm soát đặc biệt mà NHNN/Chính phủ định hướng triển khai phương án phá sản. Việc chi trả BHTG sớm hơn (trước khi phương án phá sản được phê duyệt) có thể nhanh chóng ổn định được tâm lý người gửi tiền, hạn chế rủi ro rút tiền hàng loạt.  (iii) Thời điểm khi chi trả trong trường hợp đặc biệt (thuyết minh cụ thể tại Điều 40) |
| **Điều 23. Thời hạn trả tiền bảo hiểm**  Trong thời hạn 60 ngày, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi. | **Điều 24. Thời hạn trả tiền bảo hiểm**  Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi. Trường hợp hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm phức tạp, cần thêm thời gian kiểm tra, thời hạn trả tiền bảo hiểm có thể kéo dài hơn 30 ngày nhưng tối đa không được vượt quá 60 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng rút ngắn thời hạn chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền từ 60 ngày xuống 30 ngày. Việc kéo dài hơn 30 ngày chỉ áp dụng đối với hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm phúc tạp, cần thêm thời gian kiểm tra, nhưng tối đa không vượt quá 60 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. |
| **Điều 24. Hạn mức trả tiền bảo hiểm**  1. Hạn mức trả tiền bảo hiểm là số tiền tối đa mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.  2. Thủ tướng Chính phủ quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ. | **Điều 25. Hạn mức trả tiền bảo hiểm**  1. Hạn mức trả tiền bảo hiểm là số tiền tối đa mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.  2. Thủ tướng Chính phủ quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ.  3. Trong trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định chi trả toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | **- Khoản 3:**  Điều 188 Luật Các TCTD năm 2024 có quy định quá trình xây dựng phương án phá sản, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn mức chi trả BHTG cho người gửi tiền, tối đa bằng số tiền gửi của cá nhân được BHTG tại TCTD. Theo quy định này, trong một số trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ có thể quyết định chi trả toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG. Thống nhất với quy định tại Luật các TCTD, dự thảo Luật bổ sung cơ chế chi trả toàn bộ số tiền được bảo hiểm tại khoản 3 Điều 25.  Cơ chế bảo hiểm toàn bộ số tiền gửi của người gửi tiền được một số quốc gia áp dụng trong trường hợp xảy ra khủng hoảng hệ thống hoặc xảy ra tình trạng đổ vỡ của TCTD có quy mô lớn (có tầm quan trọng hệ thống). Trong các trường hợp nói trên, người gửi tiền thường có tâm lý mất niềm tin, dẫn đến nguy cơ rút tiền hàng loạt tại cả các TCTD lành mạnh làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn của hệ thống TCTD. Khi đó, việc triển khai cơ chế bảo hiểm toàn bộ một cách kịp thời sẽ giúp ổn định niềm tin của người gửi tiền, ngăn ngừa hiện tượng rút tiền hàng loạt và làm giảm nguy cơ lây lan khủng hoảng, từ đó đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng và nền kinh tế quốc gia. |
| **Điều 25. Số tiền bảo hiểm được trả**  1. Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi, tối đa bằng hạn mức trả tiền bảo hiểm quy định tại Điều 24 của Luật này.  2. Số tiền bảo hiểm được trả trong trường hợp nhiều người sở hữu chung tiền gửi được bảo hiểm tiền gửi được quy định như sau:  a) Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của nhiều người sở hữu chung tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi, tối đa bằng hạn mức trả tiền bảo hiểm cho một người quy định tại Điều 24 của Luật này. Số tiền bảo hiểm được trả sẽ được chia theo thỏa thuận của các đồng chủ sở hữu; trường hợp giữa các đồng chủ sở hữu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật;  b) Trường hợp một trong các đồng chủ sở hữu có khoản tiền gửi khác được bảo hiểm tại cùng một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì tổng số tiền bảo hiểm được trả cho một đồng chủ sở hữu không vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm.  3. Trường hợp người được bảo hiểm tiền gửi có khoản nợ tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì số tiền gửi được bảo hiểm là số tiền còn lại sau khi trừ khoản nợ đó. | **Điều 26. Số tiền bảo hiểm được trả**  1. Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi, tối đa bằng hạn mức trả tiền bảo hiểm quy định tại Điều 25 của Luật này.  2. Số tiền bảo hiểm được trả trong trường hợp nhiều người sở hữu chung tiền gửi được bảo hiểm tiền gửi được quy định như sau:  a) Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của nhiều người sở hữu chung tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi, tối đa bằng hạn mức trả tiền bảo hiểm cho một người quy định tại Điều 25 của Luật này. Số tiền bảo hiểm được trả sẽ được chia theo thỏa thuận của các đồng chủ sở hữu; trường hợp giữa các đồng chủ sở hữu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật;  b) Trường hợp một trong các đồng chủ sở hữu có khoản tiền gửi khác được bảo hiểm tại cùng một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì tổng số tiền bảo hiểm được trả cho một đồng chủ sở hữu không vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm.  3. Trường hợp người được bảo hiểm tiền gửi có khoản nợ tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì số tiền gửi được bảo hiểm là số tiền còn lại sau khi trừ khoản nợ đó. | **Giữ nguyên** |
| **Điều 26. Thủ tục trả tiền bảo hiểm**  1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải gửi hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  Hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm bao gồm văn bản đề nghị trả tiền bảo hiểm, danh sách người được bảo hiểm tiền gửi, số tiền gửi của từng người được bảo hiểm tiền gửi và số tiền bảo hiểm đề nghị tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiến hành kiểm tra các chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả.  3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải có phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi; thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và trên một báo điện tử của Việt Nam; niêm yết danh sách người được trả tiền bảo hiểm tại địa điểm đã thông báo.  4. Khi nhận tiền bảo hiểm, người được bảo hiểm tiền gửi phải xuất trình các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  5. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi trực tiếp trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi hoặc ủy quyền cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khác thực hiện.  6. Sau thời hạn 10 năm, kể từ ngày tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thông báo lần thứ nhất về việc trả tiền bảo hiểm, những khoản tiền bảo hiểm không có người nhận sẽ được xác lập quyền sở hữu nhà nước và bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, người có quyền sở hữu khoản tiền gửi được bảo hiểm sẽ không có quyền yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả số tiền bảo hiểm đó. | **Điều 27. Thủ tục trả tiền bảo hiểm**  1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải gửi hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  Hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm bao gồm văn bản đề nghị trả tiền bảo hiểm, danh sách người được bảo hiểm tiền gửi, số tiền gửi của từng người được bảo hiểm tiền gửi và số tiền bảo hiểm đề nghị tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiến hành kiểm tra các chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả.  3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải có phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi; thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và trên một báo điện tử của Việt Nam; niêm yết danh sách người được trả tiền bảo hiểm tại địa điểm đã thông báo.  4. Khi nhận tiền bảo hiểm, người được bảo hiểm tiền gửi phải xuất trình các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  5. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi trực tiếp trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi hoặc ủy quyền cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khác thực hiện.  6. Sau thời hạn 10 năm, kể từ ngày tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thông báo lần thứ nhất về việc trả tiền bảo hiểm, những khoản tiền bảo hiểm không có người nhận sẽ được xác lập quyền sở hữu nhà nước và bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, người có quyền sở hữu khoản tiền gửi được bảo hiểm sẽ không có quyền yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả số tiền bảo hiểm đó. | Sửa đổi mốc thời hạn để phù hợp với việc sửa đổi thời hạn trả tiền bảo hiểm quy định tại Điều 24 dự thảo Luật. |
| **Điều 27. Xử lý số tiền gửi vượt hạn mức trả tiền bảo hiểm**  Số tiền gửi của người được bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm sẽ được giải quyết trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật. | **Điều 28. Xử lý số tiền gửi vượt hạn mức trả tiền bảo hiểm**  Số tiền gửi của người được bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm sẽ được giải quyết trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật. | Giữ nguyên |
| **Điều 28. Thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đối với số tiền bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm tiền gửi, kể từ ngày trả tiền bảo hiểm theo thông báo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật này.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự như người gửi tiền và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật. | **Điều 29. Thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đối với số tiền bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm tiền gửi, kể từ ngày trả tiền bảo hiểm theo thông báo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật này.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự như người gửi tiền và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật. | Giữ nguyên |
| **Chương IV**  **TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI** | **CHƯƠNG IV**  **TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI** |  |
| **Điều 29. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là tổ chức tài chính do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí. | **Điều 30. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là tổ chức tài chính nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Chính phủ.  3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, tự chủ tài chính, tự bù đắp chi phí. | - Khoản 1: Giữ nguyên- Khoản 2: Bổ sung làm rõ mô hình hoạt động của tổ chức BHTG trên cơ sở kế thừa quy định tại các văn bản điều chỉnh hoạt động của tổ chức BHTG hiện hành.  - Khoản 3: Điều chỉnh phù hợp với đặc thù hoạt động của tổ chức BHTG. |
| **Điều 30. Nguồn vốn hoạt động**  1. Vốn điều lệ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi do ngân sách nhà nước cấp.  2. Nguồn thu từ phí bảo hiểm tiền gửi.  3. Nguồn thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  4. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật. | **Điều 31. Nguồn vốn hoạt động**  1. Nguồn vốn hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi bao gồm:  a) Vốn điều lệ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi do nhà nước cấp, được bổ sung theo quy định của Chính phủ.  b) Vốn vay theo quy định của pháp luật.  c) Quỹ dự phòng nghiệp vụ.  d) Quỹ đầu tư phát triển.  đ) Quỹ dự phòng tài chính.  e) Vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.  2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này. | - Khoản 1: sửa đổi, bổ sung làm rõ các nguồn vốn hoạt động của tổ chức BHTG.  + Theo quy định pháp luật BHTG, BHTGVN được sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN, gửi tiền tại NHNN (đầu tư tài chính), đến tháng 9/2024 số tiền đầu tư là 119.072 tỷ đồng, chiếm 97,77% tổng nguồn vốn (121.783 tỷ đồng). Tiền lãi thu được từ hoạt động này được ghi nhận thành hai phần: (i) một phần đưa vào doanh thu để bù đắp chi phí hoạt động hàng năm (do Bộ Tài chính phê duyệt, giao động từ 17,5%-22%); (ii) phần còn lại đưa vào Quỹ dự phòng nghiệp vụ (78%). Điều này dẫn tới một số khó khăn như sau:  + Quy định này khó tạo được nguồn lực tích lũy để trích lập Quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ theo Chiến lược phát triển của BHTG đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: (i) Với cơ chế hiện nay, việc tích lũy Quỹ đầu tư phát triển rất hạn chế: Trong 05 năm trở lại đây, thu lãi đầu tư khoảng 2.500 tỷ đồng đến 3.600 tỷ đồng/năm. Tuy nhiên hàng năm Bộ Tài chính xác định tỷ lệ trích thu nhập giao động từ 17,5% - 22%/tổng số tiền lãi. Sau khi bù đắp chi phí, chênh lệch thu chi rất thấp, số trích lập vào Quỹ đầu tư phát triển khoảng 40 tỷ đồng đến 65 tỷ đồng/năm. Nếu theo cơ chế hiện hành, dự kiến đến năm 2030 Quỹ đầu tư phát triển đạt 1.250 tỷ đồng không đáp ứng được mục tiêu tăng vốn điều lệ theo chiến lược của BHTGVN tăng 15.000 tỷ đồng (hiện tại vốn điều lệ khoảng 5.281 tỷ đồng); (ii) Nguồn vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ cho BHTG chỉ có từ hai nguồn: Ngân sách nhà nước cấp và nguồn tích lũy từ Quỹ đầu tư phát triển. Tuy nhiên theo định hướng của Nhà nước không cấp bổ sung ngân sách để bổ sung tăng vốn điều lệ, mà phải sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung. Do vậy, với cơ chế hiện tại thì rất khó khăn cho BHTGVN để tăng quy mô Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ) trong tương lai đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhà nước giao.  + Tại “Chiến lược phát triển BHTG đến năm 2025, định hướng đến 2030” được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 đặt mục tiêu chung “nâng cao năng lực tài chính” của tổ chức BHTG dựa trên 04 mục tiêu cụ thể: (i) tăng vốn điều lệ từ nguồn tự tích lũy; (ii) đa dạng danh mục đầu tư; (iii) đảm bảo nguồn thu từ phí BHTG; và (iv) xây dựng cơ chế tiếp cận vốn hỗ trợ khi tạm thời không đủ nguồn vốn chi trả. Các mục tiêu trên hướng đến đảm bảo phát triển vốn, tăng thu qua tích lũy và đầu tư, từ đó đảm bảo nguồn lực để thực hiện mục tiêu chính sách về BHTG.  Điều này đặt ra yêu cầu phải rà soát sửa đổi các quy định về nguồn vốn hoạt động của tổ chức BHTG tại Luật để đảm bảo phù hợp.  Trên cơ sở đó, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về nguồn vốn hoạt động của tổ chức BHTG bao gồm: Vốn điều lệ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi do nhà nước cấp, được bổ sung theo quy định của Chính phủ; Vốn vay theo quy định của pháp luật; Quỹ dự phòng nghiệp vụ (từ nguồn thu phí BHTG); Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự phòng tài chính; Vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.  Nguồn thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của tổ chức BHTG không đưa vào vốn hoạt động mà thuộc doanh thu của tổ chức BHTG. Nguồn doanh thu sau khi trừ đi chi phí hoạt động của tổ chức BHTG sẽ được phân bổ một phần vào quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng cho người quản lý theo quy định; phần còn lại đưa vào Quỹ dự phòng nghiệp vụ (nguồn của Quỹ dùng để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền) để phát triển Quỹ.  - Khoản 2: Dự thảo Luật bổ sung giao Chính phủ quy định chi tiết về các loại nguồn vốn của BHTG.. |
| **Điều 31. Hoạt động đầu tư**  Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và gửi tiền tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | **Điều 32. Hoạt động đầu tư**  1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được sử dụng nguồn vốn hoạt động để thực hiện:  a) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN;  b) Gửi tiền tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,  c) Mua, bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần có vốn doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ phát hành; gửi tiền tại các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần có vốn doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ; không thực hiện đầu tư tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;  d) Hoạt động đầu tư khác theo quy định của Chính phủ.  2. Chính phủ quy định tiêu chí danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, phương thức đầu tư của tổ chức BHTG và quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG..  3. Căn cứ quy định tại Luật này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định từng khoản đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải kiểm soát, quản lý rủi ro và thực hiện trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư. | Theo quy định tại Luật BHTG và pháp luật hiện hành, BHTGVN được sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN. Trên thực tế, 99% tổng NVTTNR của BHTGVN hiện được đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, đây là kênh đầu tư hiệu quả với mức lãi suất cao hơn so với việc đầu tư tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN, đồng thời vẫn đáp ứng tốt mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Tuy nhiên do lãi suất trái phiếu Chính phủ giảm thấp nên khả năng sinh lời có xu hướng giảm dần. Ngoài ra hiện nay, đối với hoạt động đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, Luật BHTG chỉ quy định tổ chức BHTG mua trái phiếu Chính phủ, Luật BHTG không quy định về việc tổ chức BHTG bán trái phiếu Chính phủ nên tổ chức BHTG chỉ có thể mua và nắm giữ đến ngày đáo hạn. Điều này ảnh hưởng lớn đến nguồn thu của BHTGVN và tốc độ tăng trưởng của Quỹ Dự phòng nghiệp vụ. Theo số liệu do BHTGVN cung cấp, khả năng sinh lời của nguồn vốn nhàn rỗi có xu hướng giảm dần từ 9,41% (2013) xuống chỉ còn 3,82% (2023).  Theo quy định của Luật Các TCTD năm 2024, BHTGVN có vai trò tham gia cơ cấu lại các TCTD yếu kém như phối hợp đánh giá tính khả thi của phương án phục hồi QTDND được KSĐB; cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại (NHTM), ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (NHHTXVN) và tổ chức tài chính vi mô; mua trái phiếu dài hạn của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc NHTM được KSĐB theo quyết định của NHNN… Bên cạnh đó, “Chiến lược phát triển BHTG đến năm 2025, định hướng đến 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 đặt mục tiêu chung “nâng cao năng lực tài chính” của tổ chức bảo hiểm tiền gửi dựa trên 04 mục tiêu cụ thể, trong đó có mục tiêu đa dạng danh mục đầu tư. Như vậy, để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Luật Các TCTD năm 2024 và thực hiện các mục tiêu liên quan đến tăng trưởng nguồn vốn tại Chiến lược phát triển BHTG, cần thiết phải tăng cường năng lực tài chính cho BHTGVN.  Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định này để hoàn thiện quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư của BHTGVN, trong đó giao quyền cho Chính phủ quy định tiêu chí danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, phương thức đầu tư của tổ chức BHTG và quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG. Quy định nhằm gia tăng nguồn thu hợp lý giúp Quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng trưởng tốt hơn trong tương lai và góp phần nâng cao năng lực tài chính để từ đó giúp BHTGVN thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình. |
| **Điều 32. Chế độ tài chính, hạch toán kế toán và kiểm toán**  1. Chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.  Năm tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật.  3. Báo cáo tài chính hằng năm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán và xác nhận. | **Điều 33. Chế độ tài chính, hạch toán kế toán và kiểm toán**  1. Các khoản thu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được xác định phù hợp với Luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu bao gồm: Thu hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi; Doanh thu từ hoạt động đầu tư và thu hoạt động khác.  2. Các khoản chi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp doanh thu và chi phí theo Luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Chi phí của tổ chức bảo hiểm tiền gửi là các khoản chi phí phát sinh thực tế liên quan đến hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi,bao gồm: Chi hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi; chi hoạt động đầutư;chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên; chi hoạt động quản lý; chi dự phòng rủi ro; chi phí khác.  3. Chênh lệch thu chi tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi: Chênh lệch thu chi tài chính thực hiện trong năm là kết quả hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, được xác định giữa tổng thu nhập trừ đi tổng chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong năm;  4. Chênh lệch thu chi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phân phối như sau:  a) Bù đắp chênh lệch thu nhỏ hơn chi các năm trước;  b) Số còn lại được trích lập vào các quỹ: quỹ đầu tư phát triển của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng cho người quản lý theo quy định; Quỹ dự phòng nghiệp vụ. Chính phủ quy định tỷ lệ trích lập chênh lệch thu chi của tổ chức BHTG vào các quỹ quy định tại điểm này.  5. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định pháp luật hoặc thực hiện hoạt động quy định tại điểm b, c khoản 14 Điều 14 Luật này dẫn tới không đủ nguồn thu để chi cho hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và tổ chức bảo hiểm tiền gửi có chênh lệch thu – chi âm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được sử dụng quỹ dự phòng tài chính, khoản thu phí bảo hiểm (sau khi đã sử dụng quỹ dự phòng tài chính) để bù đắp các khoản chi phí hoạt động và chi tiền lương, phúc lợi cho người lao động đảm bảo tiền lương không thấp hơn năm trước liền kề.  6. Chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi do Chính phủ quy định.  7. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật.  8. Báo cáo tài chính hằng năm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán và xác nhận. | - Khoản 1, 2: Dự thảo Luật bổ sung quy định mang tính nguyên tắc chung về các khoản thu, chi của BHTGVN, đảm bảo công khai, minh bạch trong hoạt động của tổ chức BHTG.  - Khoản 3: Do tổ chức BHTG là tổ chức đặc thù hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, các hoạt động của tổ chức BHTG hướng tới mục tiêu bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và đảm bảo an toàn hệ thống TCTD qua đó đảm bảo an ninh, trật tự xã hội. Do đó, dự thảo Luật quy định chênh lệch thu chi của tổ chức BHTG sau khi bù đắp chênh lệch thu nhỏ hơn chi của các năm trước, trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng cho người quản lý theo quy định, toàn bộ số tiền còn lại sẽ chuyển vào Quỹ dự phòng nghiệp vụ để phát triển Quỹ, qua đó bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người gửi tiền.  Dự thảo Luật cũng bổ sung cơ chế xử lý trong trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định pháp luật hoặc thực hiện chi trả sớm, chhoạt động quy định tại điểm b, c khoản 14 Điều 14 Luật này dẫn tới không đủ nguồn thu để chi cho hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và tổ chức bảo hiểm tiền gửi có chênh lệch thu – chi âm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được sử dụng quỹ dự phòng tài chính, khoản thu phí bảo hiểm (sau khi đã sử dụng quỹ dự phòng tài chính) để bù đắp các khoản chi phí hoạt động và chi tiền lương, phúc lợi cho người lao động đảm bảo tiền lương không thấp hơn năm trước liền kề.  Về thẩm quyền quy định chế độ tài chính, Luật BHTG 2012 giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN quy định chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 10 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các chế độ tài chính theo quy định của pháp luật. Do đó, dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết chế độ tài chính, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của tổ chức BHTG phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ. |
|  | **Điều 34. Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức bảo hiểm tiền gửi**  1. Vốn nhà nước tại tổ chức bảo hiểm tiền gửi được bảo toàn trừ một số nguyên nhân khách quan, bất khả kháng ảnh hưởng đến vốn và thu nhập theo quy định của Chính phủ. Việc bảo toàn vốn được đánh giá trên cơ sở hiệu quả tổng thể của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.  2. Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý và đầu tư vốn, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. | Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 1395/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung) về việc ban hành điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN , BHTGVN là tổ chức tài chính Nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, không phải là doanh nghiệp nên BHTGVN không thuộc đối tượng áp dụng của Luật Quản lý vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp nay đã được thay thế bởi Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật 68). Vì vậy, dự thảo Luật bổ sung quy định về việc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại BHTGVN làm cơ sở pháp lý để thực hiện việc quản lý vốn nhà nước đầu tư tại tổ chức này. |
| **Chương V**  **HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN, BÁO CÁO** | **CHƯƠNG V**  **HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN, BÁO CÁO** |  |
| **Điều 33. Trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin của tổ chức bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các thông tin sau đây:  a) Thông tin về việc chấp hành quy định pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  b) Thông tin về việc trả tiền bảo hiểm đối với người được bảo hiểm tiền gửi định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 10 Điều 13 của Luật này theo định kỳ hằng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  d) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán và báo cáo hoạt động hằng năm;  đ) Các thông tin khác về hoạt động bảo hiểm tiền gửi theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm công bố thông tin về việc thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi và phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 16 và khoản 3 Điều 26 của Luật này. | **Điều 35. Trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin của tổ chức bảo hiểm tiền gửi**  1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các thông tin sau đây:  a) Thông tin về việc chấp hành quy định pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  b) Thông tin về việc trả tiền bảo hiểm đối với người được bảo hiểm tiền gửi định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 10 Điều 14 của Luật này theo định kỳ hằng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  d) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán và báo cáo hoạt động hằng năm;  đ) Các thông tin khác về hoạt động bảo hiểm tiền gửi theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm công bố thông tin về việc thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi và phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 17 và khoản 3 Điều 27 của Luật này. | Giữ nguyên |
| **Điều 34. Cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phép tiếp cận dữ liệu thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật này.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm để tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiếp cận dữ liệu thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Chính phủ. | **Điều 36. Cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước**  1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phép tiếp cận dữ liệu thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật này.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm để tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiếp cận dữ liệu thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Chính phủ. | Giữ nguyên |
| **Chương VI**  **THANH TRA, KHIẾU NẠI VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI** | **CHƯƠNG VI**  **THANH TRA, KHIẾU NẠI VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI** |  |
| **Điều 35. Thanh tra về bảo hiểm tiền gửi**  1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chức năng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi.  2. Đối tượng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi là tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  3. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật về thanh tra.  4. Quy trình, thủ tục thanh tra về bảo hiểm tiền gửi đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật về thanh tra.  5. Quy trình, thủ tục thanh tra về bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra. | **Điều 37.** **Thanh tra về bảo hiểm tiền gửi**  1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chức năng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi.  2. Đối tượng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi là tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.  3. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật về thanh tra.  4. Quy trình, thủ tục thanh tra về bảo hiểm tiền gửi đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật về thanh tra.  5. Quy trình, thủ tục thanh tra về bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra. | Giữ nguyên |
| **Điều 36. Khiếu nại về bảo hiểm tiền gửi**  1. Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về bảo hiểm tiền gửi được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.  2. Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được thực hiện như sau:  a) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu về bảo hiểm tiền gửi là tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Thời hạn giải quyết khiếu nại của tổ chức bảo hiểm tiền gửi là 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại;  b) Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  c) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, người khiếu nại có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật. | **Điều 38. Khiếu nại về bảo hiểm tiền gửi**  1. Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về bảo hiểm tiền gửi được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.  2. Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được thực hiện như sau:  a) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu về bảo hiểm tiền gửi là tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Thời hạn giải quyết khiếu nại của tổ chức bảo hiểm tiền gửi là **30** ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại;  b) Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  c) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, người khiếu nại có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật. | Điểm a khoản 2: Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của tổ chức BHTG thường phức tạp và có liên quan đến các tổ chức tham gia BHTG và/hoặc người gửi tiền. Thực tế, BHTGVN đã nhận được đơn khiếu nại về BHTG có những nội dung phức tạp, thời hạn giải quyết kéo dài (liên quan đến việc chi trả tiền bảo hiểm tại các QTDND). Do vậy, dự thảo Luật điều chỉnh thời hạn giải quyết khiếu nại của tổ chức BHTG từ “*15 ngày*” thành “*30 ngày*”. Thời hạn này cũng phù hợp với thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo. |
|  | **CHƯƠNG VII**  **THAM GIA XỬ LÝ TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT; THAM GIA XỬ LÝ SỰ CỐ, KHỦNG HOẢNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG** |  |
|  | **Điều 39. Cho vay đặc biệt**  **1**. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt từ quỹ dự phòng nghiệp vụ trong các trường hợp sau:  a) Cho vay đặc biệt đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô để thực hiện phương án phục hồi.  b) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.  c) Cho vay đặc biệt đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị rút tiền hàng loạt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô để chi trả cho người gửi tiền theo quy định pháp luật về tổ chức tín dụng.  2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định việc cho vay đặc biệt; xây dựng quy định nội bộ về cho vay đặc biệt các tổ chức tín dụng.  3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định Điều này. | Việc sử dụng nguồn lực của BHTG cho vay đặc biệt phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng tại Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân “nhằm phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong Nhân dân cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại và hội nhập quốc tế” và “bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và doanh nhân”, “có cơ chế bổ sung nguồn lực, chính sách bảo hiểm hợp lý bảo đảm an toàn hệ thống”  Luật các TCTD 2024 quy định việc tham gia của tổ chức BHTG vào quá trình cơ cấu lại TCTD như: cho vay đặc biệt, phối hợp với Ban KSĐB đánh giá tính khả thi của phương án phục hồi TCTD được kiểm soát đặc biệt… (Điều 169, 171, 182, 185, 188, 192…). Trong quá trình xây dựng Luật các TCTD năm 2024, trên cơ sở chỉ đạo của các cấp lãnh đạo về việc Luật các TCTD chỉ quy định nguyên tắc ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt của tổ chức BHTG; các nội dung quy định chi tiết về cho vay đặc biệt của tổ chức BHTG không quy định tại Luật các TCTD mà quy định tại Luật BHTG để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của các luật, theo đó khoản 2 Điều 192 Luật các TCTD 2024 quy định: ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt của tổ chức BHTG theo quy định của pháp luật về BHTG.  Việc sửa đổi, bổ sung, làm rõ quy định tổ chức BHTG cho vay đặc biệt và tham gia vào quá trình xử lý TCTD yếu kém đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan. |
|  | **Điều 40. Chi trả trong trường hợp đặc biệt**  1. Để đảm bảo an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội theo quy định tại Khoản 4 Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Chính phủ quyết định việc yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả trong trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bị mất hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả.  2. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả quy định tại khoản 1 Điều này được xác định khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi về việc chi trả trong trường hợp đặc biệt  3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được kiểm soát đặc biệt đối với số tiền đã chi trả quy định tại khoản 1 Điều này. Phương án xử lý khoản nợ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải được phê duyệt tại phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án phá sản.  4. Trong trường hợp số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật này không đủ để chi trả, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay đặc biệt với lãi suất 0% để chi trả theo quy định tại khoản 1 Điều này. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. | Bổ sung quy định về chi trả trong trường hợp đặc biệt, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật các TCTD, tạo cơ chế áp dụng cho các trường hợp đặc biệt (thường áp dụng đối với những TCTD có tầm quan trọng hệ thống). Sau khi tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã chi trả đặc biệt cho người gửi tiền, trong trường hợp Chính phủ không triển khai định hướng phá sản, TCTD được kiểm soát đặc biệt vẫn có thể xây dựng, trình và triển khai các phương án cơ cấu lại quy định tại Luật Các TCTD. Phương án xử lý khoản nợ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải được phê duyệt tại phương án phục hồi, phương án sáp nhập hợp nhất chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn góp hoặc phương án chuyển giao bắt buộc  Bên cạnh đó, trong trường hợp số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được NHNN cho vay đặc biệt với lãi suất 0%. Tổ chức BHTG có trách nhiệm xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt, báo cáo NHNN xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Cơ chế này cho phép tận dụng nguồn lực của thị trường để xử lý vấn đề của thị trường, hạn chế dùng nguồn lực tài chính có nguồn gốc từ nhà nước để xử lý TCTD yếu kém. |
|  | **Điều 41. Nguyên tắc xử lý khoản vay đặc biệt**  1. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác, kể cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính có tài sản bảo đảm của bên vay đặc biệt, trong đó khoản vay đặc biệt từ NHNN được ưu tiên hoàn trả trước.  2. Sau khi phương án phá sản được phê duyệt, số tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.  Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được hạch toán giảm quỹ dự phòng nghiệp vụ đối với số tiền cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản tiền chi trả. | - Khoản 1: Dự thảo Luật ghi nhận nguyên tắc ưu tiên hoàn trả của khoản vay đặc biệt của tổ chức BHTG thống nhất với quy định tại Luật các TCTD. Đồng thời dự thảo cũng quy định rõ khoản vay đặc biệt từ NHNN được ưu tiên hoàn trả trước.  - Khoản 2: Theo đúng nguyên tắc của hoạt động bảo hiểm tiền gửi, BHTGVN được hạch toán giảm quỹ dự phòng nghiệp vụ đối với số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được. Như đã trình bày ở trên, việc sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để cho vay đặc biệt cũng là thực hiện chi trả cho người gửi tiền, do đó, việc hạch toán giảm quỹ đối với số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi tương đương với việc sử dụng quỹ để chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền. |
|  | **Điều 42. Tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của tổ chức tín dụng**  Trường hợp phát sinh sự cố, khủng hoảng có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng.  Chính phủ được quyết định trường hợp phát sinh sự cố, khủng hoảng có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, các biện pháp cần thiết, bao gồm cả các biện pháp khác luật để xử lý sự cố, khủng hoảng và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. | Thực tiễn cho thấy khi phát sinh rủi ro có nguy cơ lan truyền ảnh hưởng tới an toàn hệ thống, nếu không có ngay các biện pháp nhanh chóng, kịp thời để ổn định tâm lý người gửi tiền sẽ dẫn tới một sự đổ vỡ dây chuyền nhanh chóng và khó có khả năng khắc phục. Theo đó, việc có các biện pháp đặc thù nhằm ứng phó với các rủi ro, ngăn chặn khủng hoảng hệ thống là vô cùng cần thiết. Tại Luật Các TCTD năm 2024 đã bổ sung quy định về xử lý trong trường hợp TCTD bị rút tiền hàng loạt, trong đó quy định một số các biện pháp ứng phó từ chính TCTD bị rút tiền hàng loạt, biện pháp từ cơ quan quản lý. Tuy nhiên để ứng phó khủng hoảng cần có một cơ chế tổng thể của nhiều biện pháp, trong đó có sự tham gia của tổ chức BHTG và cần được bổ sung tại Luật BHTG. |
| **Chương VII**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | **CHƯƠNG VII**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
| **Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp**  Chứng nhận bảo hiểm tiền gửi được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực tiếp tục có giá trị sử dụng. | **Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp**  1. Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực tiếp tục có giá trị sử dụng.  2. Kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành còn số dư trước ngày 01/7/2024 được tính vào tiền gửi được bảo hiểm cho đến khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thanh toán hết kỳ phiếu, tín phiếu. | Sửa đổi phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức tín dụng năm 2024. Khoản 27 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024 quy định về hoạt động nhận tiền gửi của TCTD, trong đó không có phát hành kỳ phiếu, tín phiếu. |
| **Điều 38. Hiệu lực thi hành**  Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. | **Điều 44. Hiệu lực thi hành**  Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm ... |  |
| **Điều 39. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**  Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật. | **Điều 45. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**  Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật. | Giữ nguyên |
| *Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012.* | *Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ ....... thông qua ngày ....... tháng ...... năm .....* |  |

1. Số liệu tính đến ngày 31/12/2024. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trong thời gian chưa thực hiện được Điều 20 Luật BHTG, việc thu phí BHTG được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 68/2013/NĐ-CP (Nghị định 68) *(Các quy định về phí BHTG, số tiền bảo hiểm được trả tại Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 về BHTG (Nghị định 89) và Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các quy định về khung phí BHTG, hạn mức trả tiền bảo hiểm theo quy định của Luật BHTG”) và Điều 6 Nghị định số 89 (Tổ chức tham gia BHTG phải nộp phí BHTG theo mức 0,15%/ năm tính trên số dư tiền gửi bình quân của các cá nhân tại tổ chức tham gia BHTG).* [↑](#footnote-ref-2)
3. Việt Nam chưa đáp ứng đủ điều kiện để triển khai cơ chế phí BHTG phân biệt, như: Hệ thống cơ sở pháp lý hiện chưa đầy đủ để có thể triển khai áp dụng cơ chế phí BHTG phân biệt: Luật BHTG và các văn bản hướng dẫn Luật BHTG chưa có quy định cụ thể đơn vị thực hiện, thông tin sử dụng; cách thức, phương pháp, tiêu chí để đánh giá, phân loại các tổ chức tham gia BHTG làm cơ sở áp dụng các mức phí phân biệt. BHTGVN (nếu được giao đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG) hiện cũng chưa có đủ thẩm quyền yêu cầu, kiểm tra, xác thực các thông tin, dữ liệu; chưa có đủ nguồn lực, thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG và tính phí BHTG phân biệt theo thông lệ quốc tế và hướng dẫn của IADI; Nền kinh tế vẫn đang chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh. Hệ thống ngân hàng cũng đang trong quá trình tái cơ cấu, từng bước nâng cao năng lực tài chính, quản trị rủi ro, minh bạch thông tin, chưa đạt được trạng thái an toàn, lành mạnh, minh bạch…. [↑](#footnote-ref-3)